

Hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam : Luận văn ThS. Kinh tế : 60 31 07 / Trần Thu Hà ; Nghd. : TS. Khu Thị Tuyết Mai

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thương mại quốc tế qua biên giới phía Bắc là một bộ phận cấu thành rất quan trọng trong hệ thống ngoại thương nước ta. Từ cuối năm 1988, sau khi có Thông báo số 118-TB/TW ngày 19/11/1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cho phép dân cư hai bên biên giới được qua lại thăm thân và trao đổi hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ sinh hoạt thì buôn bán qua biên giới trở thành vấn đề thời sự nóng bỏng.

Những năm sau đó, buôn bán qua biên giới mỗi năm một phát triển với tốc độ nhanh chóng. Hàng hóa thông thương qua biên giới Việt - Trung ngày càng có vai trò to lớn trong đời sống kinh tế nước ta. Hiện nay thật khó tưởng tượng nhịp sống của nhân dân ta, nhịp sản xuất của các cơ sở sản xuất của chúng ta mà thiếu hoạt động kinh tế của thị trường phía Bắc nói chung và các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc nói riêng.

Phía Trung Quốc, thương mại quốc tế vùng biên giới với các nước láng giềng cũng được coi là một bộ phận quan trọng nằm trong chính sách mở cửa từ cuối những năm 1970. Đối với biên giới Việt - Trung, từ đầu những năm 1980, Chính phủ Trung Quốc trung ương cũng như địa phương đã có những bước chuẩn bị để buôn bán với Việt Nam. Họ đã củng cố cơ sở hạ tầng, đường sá, nhà kho và xây dựng các ngân hàng biên giới. Hệ thống chỉ đạo gồm ba cấp từ trên xuống: Ban Việt Nam, Ban Biên mậu và Văn phòng Cửa khẩu. Một số thị trấn quan trọng như Đông Hưng, Bằng Tường... được xây dựng thành các trung tâm thương mại sản xuất để làm các đầu mối buôn bán qua biên giới với Việt Nam. Hệ thống này được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ bằng luật pháp đến mức hầu như mọi quy định lớn nhỏ đều được thực hiện.

Đứng trước một đối tượng có tiềm lực kinh tế lớn và tuy trình độ kỹ thuật sản xuất không hơn ta nhiều nhưng được quản lý chặt chẽ, thương mại quốc tế vùng biên phía Bắc nói chung và các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc nói riêng hiện đang hàm chứa nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng. Thực chất của thương mại qua biên giới là gì? Phát triển nó ra sao? Chính sách mặt hàng xuất nhập khẩu, chính sách thuế, hạn ngạch ra sao? Cần có giải pháp nào thúc đẩy hoạt động biên mậu Việt Nam - Trung Quốc? Cho đến nay các vấn đề trên chỉ mới được đề cập đến theo từng khía cạnh trên các bài báo đơn lẻ mang tính chất phản ánh hiện tượng, vì vậy nhằm có một cách nhìn tương đối hệ thống, đánh giá toàn diện và đầy đủ hơn về mảng hoạt động quan trọng

này trong quan hệ hai nước, tôi đã chọn đề tài ***"Hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam"*** để làm luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Là một trong những lĩnh vực thành công trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, hợp tác kinh tế thương mại thời gian qua đã có bước phát triển mạnh mẽ, liên tục tăng trưởng với tốc độ khá cao, Trung Quốc đã trở thành một đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Phát huy lợi thế có chung đường biên giới, trong những năm qua, 7 tỉnh biên giới Việt Nam là Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên và 2 tỉnh biên giới Trung Quốc là Vân Nam và Quảng Tây đã chủ động hợp tác phát triển kinh tế. Nghiên cứu về thương mại qua biên giới nói chung và hoạt động buôn bán qua biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc nói riêng đã trở thành đề tài thu hút sự quan tâm chú ý của các nhà kinh tế. Có thể kể ra một số công trình tiêu biểu sau:

Nguyễn Thị Kim Dung, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ 1999): *"Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng cơ chế chính sách và các biện pháp quản lý kinh tế đặc thù đối với khu vực cửa khẩu trên bộ phía Bắc Việt Nam"*. Tác giả khẳng định rằng, giao lưu kinh tế qua biên giới là sự thể hiện xu thế hội nhập kinh tế giữa các nước gần nhau về vị trí địa lý, thực hiện mục tiêu mở rộng hợp tác kinh tế giữa các nước láng giềng. Đồng thời tác giả cho rằng, hoạt động giao lưu kinh tế qua cửa khẩu cũng là một yếu tố cấu thành của các hoạt động kinh tế đối ngoại. Việc phát triển giao lưu đó mang lại lợi ích kinh tế đáng kể thông qua đẩy mạnh các hoạt động thương mại qua biên giới đồng thời cũng dễ thực hiện chủ trương cải cách kinh tế của Đảng là khẳng định nguyên tắc độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi trong phát triển kinh tế đối ngoại; đa phương hóa, đa dạng hóa các hoạt động kinh tế đối ngoại; khai thác có hiệu quả lợi thế trong phân công lao động quốc tế.

Đề tài khoa học cấp Bộ: *"Một số giải pháp nhằm phát triển thương mại hàng hóa Việt Nam - Trung Quốc qua biên giới trên bộ thời kỳ đến 2005"*, do tác giả Phạm Thị Cải làm chủ nhiệm cho thấy: Phát triển thương mại hàng hóa Việt Nam - Trung Quốc qua biên giới trên bộ là chủ trương của cả Chính phủ Trung Quốc và Chính phủ Việt Nam. Chủ trương mở cửa thị trường khu vực biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc của các Chính phủ đã được không chỉ các tỉnh có chung biên giới Việt - Trung mà cả các tỉnh khác của hai nước rất quan tâm. Thực hiện định hướng phát triển kinh tế đối ngoại, mở cửa biên giới, phát triển thị trường khu vực biên giới trên bộ giữa hai nước của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc, các doanh nghiệp của cả hai nước đang từng bước tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới trên bộ với mục tiêu phát triển kinh tế thương mại của các địa phương có biên giới, đồng thời phát triển kinh tế thương mại của các tỉnh khác trong

cả nước Việt Nam và Trung Quốc cũng như đẩy mạnh thương mại hàng hóa để phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước.

Tác giả Nguyễn Đăng Ninh trong *"Đổi mới quản lý nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc"*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, khẳng định, cùng với quá trình cải cách và mở cửa, trên cơ sở nhận thức vai trò của hoạt động kinh tế biên mậu mà trọng tâm là việc thúc đẩy giao lưu kinh tế qua các cửa khẩu trên bộ, Chính phủ Việt Nam đã ban hành hàng loạt các chính sách có liên quan để hỗ trợ cho quá trình này. Các chính sách thúc đẩy biên mậu đã có tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế của các tỉnh biên giới; trong đó các khu kinh tế cửa khẩu có vai trò nổi bật đối với việc thúc đẩy các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch; do đó đã có những đóng góp to lớn vào sự tăng trưởng kinh tế của các khu vực này.

"Đề án phát triển biên mậu Việt Nam - Trung Quốc thời kỳ 2006 - 2010" của Bộ Thương mại nhận định: Trung Quốc là một nước đang phát triển có dân số lớn nhất thế giới, kinh tế phát triển vào loại nhanh nhất thế giới. Ngay từ những ngày đầu cải cách mở cửa, Trung Quốc đã có một chiến lược khá toàn diện trong việc phát triển biên mậu, cho đến ngày nay đang tham gia sâu vào thể chế kinh tế thế giới nhưng về cơ bản vẫn duy trì những chính sách đó. Các chính sách biên mậu của Trung Quốc đã trở thành một bộ phận quan trọng trong chính sách thương mại, và là một động lực thúc đẩy kinh tế vùng biên giới, miền núi phát triển, góp phần xóa đói giảm nghèo; đồng thời Trung Quốc luôn nắm thế chủ động trong biên mậu với các nước có chung biên giới. Đối với Việt Nam, mặc dù Nhà nước ta vẫn có những văn bản điều chỉnh chính sách về biên mậu, nhưng nhìn chung do chưa có một cơ quan chuyên trách về biên mậu nên những chính sách về biên mậu thường không đồng bộ. Mặt khác, việc Việt Nam chưa có một chiến lược biên mậu lâu dài với Trung Quốc sẽ dẫn đến tình trạng quan hệ biên mậu luôn bị động, không có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của nền kinh tế Trung Quốc để có thể khai thác tối đa lợi thế so sánh và hạn chế rủi ro.

Tóm lại, qua đánh giá sơ bộ tình hình nghiên cứu có thể thấy rằng, các công trình nghiên cứu đã thực hiện mới chỉ đề cập đến một số khía cạnh trong quan hệ thương mại Việt - Trung. Chưa có công trình nào đi sâu vào việc đánh giá một cách có hệ thống thực trạng và triển vọng hoạt động biên mậu của các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu

Nghiên cứu hoạt động biên mậu của các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam, chỉ ra những thành tựu cũng như hạn chế của hoạt động này, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hoạt động biên mậu các tỉnh này.

3.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu cơ sở của hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam (cơ sở lý luận, các điều kiện, đường lối chính sách).

- Đánh giá thực trạng hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc nước ta hiện nay.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng:

Hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam.

Phạm vi:

- Không gian: Đề tài giới hạn phạm vi nghiên cứu là hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới trên bộ của các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam (Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh), trong đó có tập trung nghiên cứu kỹ hơn trường hợp Lào Cai.

- Thời gian: giai đoạn từ 1997-2007

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp duy vật biện chứng là phương pháp được quán triệt trong toàn bộ quá trình thực hiện đề tài. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù cho ngành kinh tế như: so sánh, thống kê, phân tích, tổng hợp.

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn

- Làm rõ thực trạng hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam (chỉ ra những thành công cũng như những hạn chế của hoạt động này).

- Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở của hoạt động biên mậu Việt Nam- Trung Quốc.

Chương 2: Thực trạng hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp thúc đẩy hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam.

Chương 1

CƠ SỞ CỦA HOẠT ĐỘNG BIÊN MẬU VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

1.1. Một số vấn đề lý luận chung về hoạt động biên mậu

1.1.1. Khái niệm, hình thức của hoạt động biên mậu

1.1.1.1. Khái niệm về hoạt động biên mậu

Hoạt động biên mậu là hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa được diễn ra tại khu vực biên giới đường bộ của các nước láng giềng (được xác định về mặt địa lý) mà đối tượng trao đổi là các sản phẩm, hàng hóa (hữu hình).

1.1.1.2. Các hình thức của hoạt động biên mậu

Hoạt động kinh tế biên mậu Việt Nam - Trung Quốc hiện nay tồn tại dưới 3 hình thức chính: chính ngạch, tiểu ngạch, và trao đổi của cư dân biên giới. Ngoài ra, các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu của trung ương, các tỉnh biên giới, nhất là các đơn vị của tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai đã thực hiện thêm chức năng xuất nhập khẩu ủy thác, quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa qua biên giới để hưởng hoa hồng.

1.1.2. Vai trò của hoạt động biên mậu Việt Nam - Trung Quốc

1.1.2.1. Vai trò của hoạt động biên mậu đối với Việt Nam

- Thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các tỉnh biên giới.
- Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế cửa khẩu.
- Hình thành các điểm tập trung dân cư mới như thị tứ, thị trấn, thị xã và các thành phố dọc tuyến biên giới.
- Đời sống cư dân khu vực cửa khẩu cũng như khu vực biên giới được cải thiện đáng kể, góp phần bảo vệ an ninh xã hội và an toàn biên giới.

1.1.2.2. Vai trò của hoạt động biên mậu đối với Trung Quốc

- Hoạt động kinh tế biên mậu đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của các tỉnh vùng biên, đặc biệt là khu vực biên giới.
- Hoạt động kinh tế biên mậu góp phần thắt chặt sự đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số, củng cố sự ổn định xã hội và đảm bảo an toàn cho vùng biên.
- Hoạt động kinh tế biên mậu góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các quốc gia láng giềng và mang lại hòa bình và ổn định cho đất nước.
- Hoạt động kinh tế biên mậu mở đường cho sự hợp tác kinh tế tiểu vùng nhờ vào vị trí địa lý thuận lợi của nó.

1.2. Những nhân tố thúc đẩy hoạt động biên mậu

1.2.1. Nhân tố khách quan

- Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế
- Xu hướng khu vực hóa kinh tế
- Điều kiện tự nhiên

1.2.2. Nhân tố chủ quan

1.2.2.1. Chính sách phát triển biên mậu của Trung Quốc

Thuế quan và các ưu đãi thuế

Đối với các hàng hóa nhu yếu phẩm hàng ngày nhập khẩu từ các nước có chung đường biên giới dưới hình thức trao đổi của cư dân biên giới được miễn các loại thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng nếu giá trị hàng hoá không quá 3000 nhân dân tệ/người/ngày.

Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu qua hoạt động kinh tế biên mậu với số lượng nhỏ

- Các quy định về năng lực của doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh tế biên mậu với số lượng nhỏ: vốn đăng ký từ 500.000 nhân dân tệ trở lên hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nhất định, có đủ năng lực về phương tiện và các điều kiện tài chính cần thiết.

- Doanh nghiệp tiến hành hoạt động xuất khẩu biên mậu được hưởng các chính sách hoàn thuế áp dụng cho các giao dịch thông thường theo các thủ tục hoàn thuế chung.

Quản lý hoạt động hợp tác kinh tế và kỹ thuật với nước ngoài tại khu vực biên giới

Phương pháp quản lý đối với hoạt động kinh tế biên mậu sau khi gia nhập WTO: quản lý trên cơ sở động thái, biến động của thị trường để cấp giấy phép xuất nhập khẩu, hạn ngạch... với một số sản phẩm hàng hóa quy về hoạt động thương mại bình thường.

1.2.2.2. Chính sách phát triển biên mậu của Việt Nam

- Nghị định số 02/2000/CP ngày 03/2/2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh thuộc các tỉnh biên giới phía Bắc.

- Nghị định số 32/2005/NĐ-CP ngày 14/3/2005 của Chính phủ về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền.

- Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BCT-BTC-BGTVT-BNN& PTNT-BYT-NHNN ngày 31-1-2008 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg qui định:

+ Thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới, thanh toán trong mua bán hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu được thực hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ), đồng tiền của nước có chung biên giới.

+ Định mức hàng hóa miễn thuế nhập khẩu không quá 2.000.000VNĐ/ 1 người/1ngày được áp dụng cho các đối tượng nếu hội đủ các tiêu chí: (1) Là cư dân biên giới Việt Nam hoặc cư dân biên giới của 3 nước có chung đường biên giới (Trung Quốc, Lào, Campuchia) qua lại biên giới xuất trình chứng minh thư biên giới hoặc giấy thông hành biên giới do cơ quan có thẩm quyền của hai nước cấp. (2) Hàng hóa được sản xuất tại nước có chung biên giới. Hàng hóa sản xuất tại nước thứ ba không được hưởng định mức miễn thuế này.

+ Chủ thể được mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới

+ Chủ thể Việt Nam được xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới

+ Chủ hàng, người điều khiển phương tiện hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền phải có một trong các giấy tờ có giá trị sử dụng như sau: Hộ chiếu, Chứng

minh thư biên giới, Giấy thông hành biên giới, hoặc các giấy tờ qua lại biên giới khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Kinh nghiệm phát triển hoạt động biên mậu của một số nước trong quan hệ thương mại với Trung Quốc

1.3.1. Kinh nghiệm phát triển hoạt động biên mậu giữa Liên Bang Nga với Trung Quốc

Để thúc đẩy hoạt động biên mậu với Trung Quốc, Liên bang Nga đã thực hiện chính sách mở cửa biên giới.

Đối với thuế nhập khẩu, các hàng hóa nhập khẩu dưới hình thức hàng đổi hàng theo các Hiệp định của Chính phủ được miễn thuế và các hàng hóa do chính quyền hoặc doanh nghiệp địa phương nhập khẩu được giảm một nửa thuế suất nhập khẩu so với mức thuế suất quy định.

Theo The US Commercial Service, năm 2001, tỉnh Primorye của Liên bang Nga và Tsilin của Trung Quốc đã thiết lập một tổ công tác về hợp tác biên giới để xúc tiến và phát triển hoạt động hợp tác lẫn nhau giữa hai bên. Theo đó, 1 dự án về khu kinh tế sông Tumen được đưa vào hoạt động nhằm thiết lập hành lang thương mại giữa tỉnh Primorye (Liên bang Nga) và các tỉnh có chung biên giới đường bộ với Liên bang Nga ở phía Bắc Trung Quốc.

1.3.2. Kinh nghiệm phát triển hoạt động biên mậu giữa Myanmar với Trung Quốc

Myanmar đã từng bước thực hiện tự do buôn bán qua các cửa khẩu biên giới trên bộ với CHND Trung Hoa. Những doanh nghiệp chế xuất tại các khu kinh tế cửa khẩu được hưởng thuế ưu đãi.

Myanmar thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng xuất khẩu và bảo hiểm tín dụng xuất khẩu đối với các doanh nghiệp xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới với Trung Quốc, ưu tiên tín dụng xuất khẩu đối với các mặt hàng có thể mạnh nhưng còn yếu về nguồn vốn.

1.3.3. Một số bài học

- Thực hiện chính sách mở cửa biên giới, cho phép trao đổi hàng hóa giữa dân cư vùng biên.

- Đối với việc kiểm soát ngoại thương, về nguyên tắc tất cả các hàng hóa xuất nhập khẩu dưới hình thức hàng đổi hàng được tự do hóa hoàn toàn.

- Đối với thuế, các hàng hóa nhập khẩu dưới hình thức hàng đổi hàng theo các hiệp định của Chính phủ được miễn thuế nhập khẩu và thuế VAT liên quan và các hàng hóa do chính quyền hoặc doanh nghiệp địa phương nhập khẩu được giảm một nửa thuế suất nhập khẩu và thuế VAT liên quan so với mức thuế suất quy định.

- Thiết lập một tổ công tác về hợp tác biên giới để xúc tiến và phát triển hoạt động hợp tác lẫn nhau giữa hai bên.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng xuất khẩu và bảo hiểm tín dụng xuất khẩu đối với các doanh nghiệp xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới với Trung Quốc, ưu tiên tín dụng xuất khẩu đối với các mặt hàng có thế mạnh nhưng còn yếu về nguồn vốn.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG BIÊN MẬU Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

2.1. Khái quát về tình hình buôn bán qua biên giới Việt Nam- Trung Quốc kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao

2.2. Hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

2.2.1. Tổng quan về hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

2.2.1.1. Hệ thống cửa khẩu, chợ và lối mòn tham gia biên mậu

Hiện nay, biên giới trên bộ giữa 5 tỉnh vùng Đông Bắc Việt Nam và Trung Quốc có tất cả 21 cửa khẩu, trong đó có 4 cửa khẩu quốc tế, 7 cửa khẩu chính và 10 cửa khẩu phụ tiêu ngạch. Ngoài ra, còn có 56 đường mòn và 13 cặp chợ biên giới.

2.2.1.2. Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

a) Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của 5 tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

Hoạt động biên mậu qua cửa khẩu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc tăng trưởng tương đối nhanh, năm 1997, kim ngạch xuất nhập khẩu qua các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam - Trung Quốc chỉ đạt 644,02 triệu USD, chiếm 73,3% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam - Trung Quốc. Năm 2007, kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu vùng Đông Bắc Việt Nam đạt 5.655,000 triệu USD, tăng 1,75 lần so với năm 2006.

*Bảng 2.2 Kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu các tỉnh biên giới
vùng Đông Bắc Việt Nam*

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	Quảng Ninh	Lạng Sơn	Cao Bằng	Hà Giang	Lào Cai	Tổng cộng
1997	242,11	333,00	8,70	1,38	58,83	644,02
1998	151,12	319,00	15,80	0,91	54,34	541,17
1999	129,17	289,00	17,35	1,94	56,00	493,46
2000	170,34	700,00	19,50	7,02	132,24	1.029,06
2001	894,20	618,50	28,66	46,1	209,90	1.797,36
2002	486,00	270,40	51,11	80,00	254,64	1.142,11
2003	400,70	229,40	59,39	38,10	279,27	1.006,89

2004	427,83	303,00	62,40	70,00	351,90	1.136,23
2005	707,20	378,50	81,12	39,77	430,10	1.449,40
2006	2.110,70	420,00	121,30	104,9	476,86	3.233,760
2007	3.846,00	740,00	186,00	160,00	723,00	5.655,000

(Nguồn: Tổng cục Hải quan và Báo cáo Sở thương mại các tỉnh).

Hàng năm, hoạt động buôn bán qua biên giới 5 tỉnh vùng Đông Bắc chiếm tỷ trọng 71% tổng giá trị tại các cửa khẩu quốc tế và quốc gia. Từ năm 1994, buôn bán chính ngạch luôn chiếm tỷ trọng áp đảo trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc. Trong tổng giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu giữa các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam và Trung Quốc thì hàng chính ngạch vẫn luôn chiếm tỷ trọng lớn (hơn 75%).

Bảng 2.3. Kim ngạch xuất nhập khẩu chính ngạch, xuất nhập khẩu tiểu ngạch các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc

(Đơn vị tính: Triệu USD)

Năm	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Chính ngạch	Tiểu ngạch	Chính ngạch	Tiểu ngạch
1997	379,28	94,82	135,936	33,984
1998	303,12	75,78	129,816	32,454
1999	257,2	64,3	137,568	34,392
2000	474,499	118,624	348,748	87,187
2001	650,632	162,407	788,256	197,064
2002	425,770	106,442	487,917	121,979
2003	318,144	79,536	487,360	121,842
2004	429,083	107,270	499,900	119,975
2005	490,030	114,757	700,489	175,122
2006	878,676	219,669	810,782	202,695
2007	1.480,077	369,819	1.598,951	399,738

(Nguồn: Báo cáo Sở thương mại các tỉnh).

b) Về cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu

Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc gồm 4 nhóm hàng chủ yếu:

- Nhóm A: nguyên nhiên liệu bao gồm than đá, dầu thô, quặng sắt cromit, được liệu, các loại tinh dầu, cao su thiên nhiên.
- Nhóm B: các mặt hàng lương thực nông sản, rau quả, sản lát, đồ các loại, hoa quả nhiệt đới như thanh long, dưa hấu, xoài, chôm chôm, dứa, chuối...
- Nhóm C: các mặt hàng thủy sản tươi sống, đông lạnh, động vật nuôi như rắn, ba ba, rùa...
- Nhóm D: các mặt hàng tiêu dùng gia đình, đồ gỗ, giày dép, xà phòng...

Trung Quốc xuất khẩu sang Việt Nam gồm 5 nhóm hàng:

- Nhóm A: máy móc thiết bị toàn bộ, nhà máy xi măng lò đứng, nhà máy đường...
- Nhóm B: máy móc cơ khí, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị y tế, máy móc thiết bị chính xác, máy móc thiết bị ngành dệt, máy móc nông nghiệp.
- Nhóm C: nguyên nhiên liệu như xi măng, sắt thép, kính xây dựng, vật liệu xây dựng, hóa chất, phẩm nhuộm, thuốc trừ sâu, phân bón.
- Nhóm D: lương thực, thực phẩm, hoa quả như bột mỳ, dầu thực vật, giống cây trồng, táo, lê...
- Nhóm E: hàng tiêu dùng, thuốc chữa bệnh như thuốc đông y, đồ chơi, quần áo, hàng nghe nhìn điện tử...

2.2.1.3. Về hoạt động thanh toán biên mậu

Quyết định số 689/2004/QĐ- NHNN ngày 07/06/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc đã tạo nên một hành lang pháp lý thông thoáng hơn cho hoạt động thanh toán biên mậu Việt - Trung với việc đa dạng hóa các hình thức thanh toán, đồng tiền thanh toán, khuyến khích các cơ chế thanh toán biên mậu bằng bản tệ.

2.2.2. Hoạt động biên mậu tại 4 tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam và nghiên cứu trường hợp tại Lào Cai

2.2.2.1. Thực trạng hoạt động biên mậu tại 4 tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

a) Hoạt động biên mậu qua biên giới tỉnh Quảng Ninh

Tính từ năm 1997 đến nay, 2 tỉnh Quảng Ninh và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) đã ký 05 biên bản hội đàm và ghi nhớ về xây dựng cơ chế trao đổi hợp tác vùng biên giới và cơ chế hợp tác tiện lợi cho việc thông quan; ký ghi nhớ hợp tác đa phương giữa UBND 7 tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam với Chính quyền nhân dân 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây (Trung Quốc)....

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu của 2 bên ngày càng tăng, năm 2007 đạt 3,846,00 triệu USD. Thanh toán qua biên giới năm 2007 đạt 184.000 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của hệ thống chợ cửa khẩu biên giới ngày càng ổn định và phát huy hiệu quả, hiện có trên 1000 hộ kinh doanh người Trung Quốc đang tham gia kinh doanh tại chợ cửa khẩu Móng Cái, Bắc Phong Sinh và Hoành Mô. Tính đến hết năm 2007, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã có 13/107 dự án FDI có vốn đầu tư của các nhà đầu tư Quảng Tây (Trung Quốc) với tổng vốn đầu tư đăng ký là 75,02 triệu USD, vốn thực hiện đạt 39,70 triệu USD, tập trung vào các lĩnh vực chế biến cao su nguyên liệu và du lịch - dịch vụ [13].

b) Hoạt động biên mậu qua biên giới tỉnh Lạng Sơn

Lạng Sơn là tỉnh biên giới phía Bắc, là nơi có các tuyến đường giao thông quan trọng như quốc lộ 1A, 1B, 4A, 4B, 31, 279 và tuyến đường sắt liên vận quốc tế Việt-Trung chạy qua, có đường biên giới với Trung Quốc dài 253 km với 2 cửa khẩu quốc tế, 2 cửa khẩu quốc gia và 7 cặp chợ biên giới,... đã tạo cho Lạng Sơn có một vị trí quan trọng trong tam giác kinh tế Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh, có khả năng gắn kết giữa thị trường Đông Bắc với cả nước, là thị trường trung chuyển hàng hóa lớn của cả nước và các nước ASEAN sang thị trường Trung Quốc, các nước Đông, Tây Âu.

Tính chung giai đoạn 1997- 2007, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc qua biên giới tỉnh Lạng Sơn đạt 27.312 triệu USD (chiếm trên 50% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 5 tỉnh biên giới vùng Đông Bắc).

c) Hoạt động biên mậu qua biên giới tỉnh Cao Bằng

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới của tỉnh Cao Bằng là quá nhỏ so với kim ngạch xuất nhập khẩu của 5 tỉnh biên giới vùng Đông Bắc (chỉ chiếm 1,9%, trong khi đó tỉnh Quảng Ninh chiếm 40%, tỉnh Lạng Sơn chiếm 50%).

Ngày 9/9/1998, Chính phủ ra quyết định số 171/1998/QĐ-TTg, cho phép "áp dụng thí điểm một số chính sách tại khu vực kinh tế cửa khẩu Cao Bằng". Hoạt động kinh tế đối ngoại giữa Cao Bằng (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) đã có nhiều chuyển biến tích cực. Hai bên đã bàn bạc thống nhất đơn giản hóa thủ tục xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, khai thông tuyến vận tải quốc tế hai chiều và Ngân hàng Nông nghiệp 2 tỉnh đã ký hiệp định thanh toán biên mậu, tạo điều kiện cho các hoạt động biên mậu.

Cơ sở hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu cũng từng bước được đầu tư xây dựng. Từ năm 1999 đến năm 2007, tổng nguồn vốn đầu tư tại các khu kinh tế cửa khẩu thực hiện trên 273 tỷ đồng.

d) Hoạt động biên mậu qua biên giới tỉnh Hà Giang

Khu vực kinh tế cửa khẩu của tỉnh Hà Giang thời gian qua chủ yếu phát triển kinh tế biên mậu, chợ biên giới, trao đổi xuất nhập khẩu, tập trung đầu tư, thu hút đầu tư phát triển du lịch...gắn với thị trường tỉnh Quảng Tây và Vân Nam (Trung Quốc).

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh liên tục tăng: Năm 1997 đạt 1,38 triệu USD và tăng lên thành 160 triệu USD năm 2007.

2.2.2.2. Nghiên cứu trường hợp hoạt động biên mậu ở Lào Cai

a) Tình hình chung

Lào Cai là một tỉnh vùng cao có đường biên giới với Trung Quốc dài 203 km. Lào Cai có vị trí địa kinh tế đặc biệt trên Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Là tâm điểm tuyến giao thông Côn Minh- Hải Phòng, với lợi thế vận tải đa phương thức, gồm cả đường bộ, đường sắt, đường sông.

Ngày 26/5/1998, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 100/1998/QĐ-TTg cho phép "áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới tỉnh Lào Cai".

Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc qua biên giới Lào Cai đang tăng mạnh qua từng năm. Năm 1997 con số này mới đạt 58,83 triệu USD thì đến năm 2007 đã tăng lên 700 triệu USD.

Trong hợp tác tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS) cặp cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu được chọn thí điểm thực hiện ban đầu Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển người và hàng hóa qua lại biên giới.

Về phía tỉnh Lào Cai, việc phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam mở ngân hàng dữ liệu về thị trường Tây Nam Trung Quốc đăng tải trên trang điện tử của Lào Cai và sàn giao dịch điện tử phục vụ đắc lực cho hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư.

b) Hoạt động xuất nhập khẩu

Hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Lào Cai luôn phát triển qua từng năm, với mức tăng bình quân 26,6%.

Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh qua các năm: Năm 2000 kim ngạch đạt 132,24 triệu USD. Năm 2006 kim ngạch đạt 476,86 triệu USD. Năm 2007 kim ngạch đạt 723 triệu USD tăng 52% so với năm 2006, trong đó kim ngạch xuất khẩu tăng 73,57%, kim ngạch nhập khẩu tăng 42,06% so với năm 2006.

Tổng giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu năm 2007 qua cửa khẩu Lào Cai tăng 52 % so với năm 2006, trong đó kim ngạch xuất khẩu tăng 11% và kim ngạch nhập khẩu tăng 69% so với năm 2006. Kim ngạch xuất nhập khẩu kinh doanh năm 2007 tăng 81% so với năm 2006. Trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu loại hình khác năm 2007 tăng 8,6% so với năm 2006. Tổng thu thuế và phí do Hải Quan thực hiện năm 2007 tăng 160% so với năm 2006.

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Những thành tựu

- Hoạt động biên mậu đã góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống cư dân tại các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc.

- Từ những hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới, hoạt động biên mậu đã có những bước phát triển mạnh mẽ ra các hoạt động hợp tác kỹ thuật, xuất và nhập khẩu dịch vụ, tạm nhập, tái xuất và chuyển khẩu qua biên giới.

2.3.2. Những vấn đề tồn tại và nguyên nhân

2.3.2.1. Những vấn đề tồn tại

- Kim ngạch trao đổi biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam-Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng chậm và không đều, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh về điều kiện địa kinh tế của khu vực biên giới hai nước.

- Cơ cấu hàng hóa trao đổi biên mậu của 5 tỉnh vùng Đông Bắc với Trung Quốc còn nghèo nàn, đơn điệu và thiếu tính bền vững.
- Cơ chế quản lý hoạt động biên mậu chưa có sức hấp dẫn, lôi cuốn các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước.
- Hiệu quả trao đổi hàng hóa tại các chợ biên giới thấp.
- Hoạt động buôn lậu, hàng nhái, hàng giả diễn biến trên toàn tuyến biên giới ngày càng phức tạp.

2.3.2.2. Nguyên nhân

- Việt Nam và Trung Quốc chưa xây dựng được những cơ chế hợp tác hiệu quả nhằm thúc đẩy hoạt động biên mậu giữa hai nước.
- Hành lang pháp lý giữa Việt Nam và Trung Quốc vẫn chưa được hoàn thiện.
- Việt Nam chưa xây dựng được một cơ chế điều hành, quản lý hoạt động biên mậu thống nhất, linh hoạt, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương.
- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc còn yếu kém, lạc hậu, chưa đồng bộ, chưa có quy hoạch phát triển cụ thể.
- Sự phối hợp giữa các lực lượng chức năng tại cửa khẩu chưa nhịp nhàng, các thủ tục hành chính về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu, kiểm dịch hàng hóa vẫn chưa đồng bộ.
- Hoạt động xúc tiến thương mại chủ yếu vẫn tập trung vào tổ chức các hội chợ, triển lãm mà không có những chương trình, hoạt động riêng cho đặc thù của biên mậu như đẩy mạnh tiếp cận trực tiếp với các đầu mối tiêu thụ, các hệ thống phân phối của phía Trung Quốc.
- Mặc dù cơ chế thanh toán biên mậu đã được triển khai, các ngân hàng thương mại các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt - Trung vẫn còn gặp khó khăn trong việc xử lý số dư trên tài khoản thanh toán biên mậu.
- Đến nay, hầu hết các chợ biên giới đều có cơ sở hạ tầng kém, diện tích hạn chế.
- Đường biên giới dài, đồi núi, sông suối nhiều tạo thuận lợi cho hoạt động buôn lậu, chôn thuế, gian lận thương mại và gây khó khăn trong quản lý hoạt động biên mậu.

Chương 3

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG BIÊN MẬU Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

3.1. Triển vọng hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam.

3.1.1. Bối cảnh phát triển mới và ảnh hưởng của chúng đến hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc.

3.1.1.1. Trung Quốc và Việt Nam đều là thành viên của WTO

3.1.1.2. Trung Quốc và Việt Nam tham gia hợp tác khu vực

3.1.1.3. Trung Quốc và Việt Nam tham gia hợp tác kinh tế vùng

3.1.2. Dự báo về triển vọng phát triển hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

3.1.2.1. Dự báo về triển vọng quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2009 - 2015

Đến năm 2010, tổng kim ngạch thương mại xuất nhập khẩu của Trung Quốc dự kiến đạt 2.700 tỷ USD, năm 2015 sẽ vào khoảng 3.700 tỷ USD và lên đến 5.000 tỷ vào năm 2020. Trong đó hàng hóa nhập khẩu đến thời điểm năm 2010 có thể đạt 1.000 tỷ USD và có thể lên đến 2.000 tỷ vào năm 2020. Qua đó có thể thấy dung lượng thị trường Trung Quốc là rất lớn và là điều kiện rất thuận lợi cho xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn tới. Bảng 3.1 cho thấy, năm 2010 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai nước dự báo là 15 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu 6.1 tỷ USD và nhập khẩu 7.2 tỷ USD từ Trung Quốc, và năm 2015 kim ngạch xuất nhập khẩu sẽ tăng lên 24.5 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất 10.1 tỷ USD và nhập khẩu 14.4 tỷ USD từ Trung Quốc.

*Bảng 3.1 Dự báo kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai nước
giai đoạn 2009-2015*

Đơn vị: tỷ USD

Năm	Tổng XNK	Tăng giảm (%)	Việt Nam XK	Tăng giảm (%)	Việt Nam NK	Tăng giảm (%)
2009	13,2	12,8	4,9	19,5	8,3	9,2
2010	15,0	13,6	6,1	24,4	8,9	7,2
2011	16,6	10,6	6,9	13,1	9,7	8,9
2012	18,2	9,6	7,6	10,1	10,6	9,2
2013	20,0	9,8	8,3	9,2	11,7	10,3
2014	22,0	10,0	9,1	9,6	12,9	10,2
2015	24,5	11,3	10,1	10,9	14,4	11,6

(Nguồn: đề án phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc giai đoạn 2007- 2015).

3.1.2.2. Dự báo triển vọng phát triển hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam.

Trong giai đoạn từ nay đến 2015, các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam vẫn giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động biên mậu giữa Việt Nam với Trung Quốc.

Các mặt hàng xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới trên bộ của 5 tỉnh biên giới vùng Đông Bắc trong những năm tới chủ yếu là: khoáng sản (quặng, than), cao su, thủy hải sản, nông lâm sản, rau hoa quả, hàng bách hóa, linh kiện điện tử, bột giặt, đồ nhựa,

giày dép... Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: nguyên vật liệu (sắt, thép), phân bón, hóa chất, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng, nguyên vật liệu dệt may da, quần áo may sẵn, hoa quả và hàng tiêu dùng khác.

Bảng 3.2. Dự báo kim ngạch xuất nhập khẩu với Trung Quốc của các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc đến 2015

Đơn vị: triệu USD

	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Quảng Ninh	4.999,80	6.559,736	7.215,710	9.380,423	12.194,50	18.291,75	25.608,45
Lạng Sơn	1.480,00	2.812,97	3.375,564	4.725,790	6.143,527	7.372,234	11.058,348
Lào Cai	973,70	1.472,66	3.214,458	4.500,241	6.750,30	8.100,433	12.150,60
Cao Bằng	297,60	565,44	904,704	1.266,585	1.594,506	2.551,296	4.337,204
Hà Giang	272,00	489,60	729,90	1.021,86	1.532,79	2.452,464	4.169,188

(Nguồn: Tính toán và tổng hợp từ nguồn số liệu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc)

3.2. Giải pháp thúc đẩy hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

3.2.1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng của Đảng và Chính phủ Việt Nam về hoạt động biên mậu

3.2.1.1. Quan điểm phát triển biên mậu

- *Coi trọng phát triển biên mậu* nói chung và phát triển biên mậu với Trung Quốc nói riêng.

- *Coi trọng thị trường biên mậu* với Trung Quốc

3.2.1.2. Mục tiêu phát triển biên mậu

- *Mục tiêu tổng quát*

Thúc đẩy quan hệ buôn bán và trao đổi hàng hóa qua biên giới với Trung Quốc phát triển nhanh và bền vững; đưa biên mậu trở thành một trong những lĩnh vực quan trọng tạo động lực thúc đẩy kinh tế xã hội của từng địa phương biên giới phía Bắc; đồng thời giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội biên giới phía Bắc.

- *Các mục tiêu cụ thể*

+ Xây dựng và phát triển được một đội ngũ doanh nghiệp chuyên hợp tác hoạt động biên mậu với Trung Quốc gắn với ngành hàng và địa bàn các tỉnh biên giới phía Bắc.

+ Đến năm 2010, 100% các chợ biên giới được xây dựng kiên cố và bán kiên cố.

+ Từ 2007 đến 2010 tạo thêm khoảng 6-7 nghìn việc làm trong lĩnh vực dịch vụ.

+ Hoàn thiện chính sách biên mậu nhất quán, linh hoạt và ổn định với Trung Quốc, từ đó nhân rộng ra cả nước.

3.2.1.3. Định hướng phát triển biên mậu

- Định hướng phát triển tổng thể

Thứ nhất, đến năm 2015, hoạt động (bao gồm cả dịch vụ) biên mậu Việt - Trung trở thành một trong những ngành kinh tế chủ lực của các tỉnh biên giới phía Bắc và là động lực mạnh để phát triển kinh tế xã hội các tỉnh trung du miền núi Bắc Bộ.

Thứ hai, từ năm 2010 trở đi các tỉnh biên giới phía Bắc trở thành những trung tâm hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu của cả nước qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

- Định hướng phát triển biên mậu thời kỳ 2007- 2015

Thứ nhất, phát triển biên mậu biên giới phía Bắc phải trên cơ sở coi trọng hợp tác với phía Trung Quốc, khai thác có hiệu quả những lợi thế trong phân công lao động quốc tế giữa hai nước.

Thứ hai, xây dựng cơ chế điều tiết biên mậu linh hoạt, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương.

Thứ ba, phát triển quan hệ biên mậu Việt - Trung trên cơ sở khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Thứ tư, phát triển biên mậu với Trung Quốc theo xu hướng ngày càng tự do hóa và thuận lợi hóa.

Thứ năm, phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên biên giới với Trung Quốc để phát triển hoạt động biên mậu giữa hai nước.

Thứ sáu, phát triển biên mậu Việt - Trung theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc vùng biên. Phát triển biên mậu Việt - Trung phù hợp với các chương trình kinh tế xã hội của Chính phủ Việt Nam.

3.2.2. Giải pháp thúc đẩy hoạt động biên mậu ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

3.2.2.1. Các giải pháp chung

- Xây dựng chiến lược phát triển quan hệ Việt- Trung cả tầm dài hạn và trung hạn.
- Các cơ quan hữu quan của Nhà nước cần sớm có kế hoạch phổ biến nội dung và lập chương trình công tác về Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN + Trung Quốc cho các cấp, các ngành và đặc biệt là cho các doanh nghiệp.

- Khẩn trương hoàn thiện cơ chế quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa tiểu ngạch.

- Ban hành chính sách riêng đối với buôn bán tiểu ngạch và trên cơ sở đó xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với những điều kiện mới trong quan hệ kinh tế thương mại hai nước Việt - Trung.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật thương mại.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và cơ chế quản lý biên mậu Việt Nam - Trung Quốc theo hướng ngày càng ưu đãi và thông thoáng hơn so với thương mại thông thường.

- Xúc tiến việc thành lập những đặc khu kinh tế gần biên giới Trung Quốc để thúc đẩy các hoạt động thương mại qua biên giới Trung Quốc.

- Tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt chống buôn lậu và gian lận thương mại.

- Kiện toàn bộ máy quản lý biên mậu từ trung ương đến địa phương, phân cấp mạnh quyền điều tiết biên mậu cho cơ quan quản lý biên mậu địa phương.

- Hợp tác với Trung Quốc về biên mậu

3.2.2.1. Các giải pháp đối với các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc

- Từng bước tiêu chuẩn hóa hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới theo thông lệ quốc tế và yêu cầu của WTO.

- Thúc đẩy tiến độ xây dựng Khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, xây dựng hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng.

- Đầu tư, phát triển một hệ thống các kho thủy sản và kho hàng rau quả tươi trở thành các trung tâm tập kết hàng hóa, bảo quản, tái chế, đóng gói cho xuất khẩu cũng như các phương tiện vận tải chuyên dụng tại khu vực các cửa khẩu trọng điểm.

- Đổi mới công tác thanh toán xuất nhập khẩu biên mậu.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang có trách nhiệm tổ chức quản lý lực lượng lao động tại khu vực các cửa khẩu biên giới.

- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử tại các cửa khẩu biên giới.

- Đề ra những tiêu chí xây dựng và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

- Phát triển thị trường cho hoạt động biên mậu qua biên giới các tỉnh vùng Đông Bắc.

3.2.2.3. Các giải pháp đối với doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp khu vực biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

- Giải pháp về vấn đề nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh

- Về vấn đề xây dựng chiến lược xuất khẩu và chiến lược mặt hàng

- Giải pháp về việc tăng cường hợp tác và liên kết kinh tế giữa các doanh nghiệp của Việt Nam và Trung Quốc

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại

- Giải pháp về vấn đề nhận thức và nâng cao đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp và doanh nhân

KẾT LUẬN

Hiện nay, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đang trở thành xu thế khách quan và là yêu cầu bức xúc trong quá trình phát triển kinh tế của mọi quốc gia. Vì vậy, các nước luôn coi chính sách kinh tế đối ngoại là vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của mình nhằm xây dựng một nền kinh tế hướng ngoại và hội nhập có hiệu quả.

Là hai nước có chung đường biên giới trên bộ khá dài và đang cùng tiến hành cải cách kinh tế theo đường lối "mở cửa", "hướng ngoại" để hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, việc phát triển hợp tác kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc đã diễn ra như một tất yếu khách quan. Mặc dù ở những giai đoạn phát triển khác nhau thì hoạt động này có những đặc điểm tương đối khác nhau, nhưng nó luôn được dựa trên cơ sở của nguyên tắc "Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi và cùng tồn tại hoà bình".

Từ năm 1991 đến nay, do sự nỗ lực của Chính phủ, các doanh nghiệp và nhân dân hai nước, quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam - Trung Quốc đã không ngừng phát triển theo phương châm "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Điểm nổi bật là hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc được diễn ra chủ yếu qua biên giới trên bộ giữa hai nước (khoảng 80% khối lượng thương mại), đặc biệt là qua biên giới các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng... Thông qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới trên bộ giữa hai nước, Việt Nam đã xuất khẩu được một khối lượng lớn hàng hoá mà Việt Nam có khả năng sản xuất nhưng chưa tìm được thị trường tiêu thụ ổn định như: Nông sản dưới dạng thô và sơ chế, một số hàng công nghệ tiêu dùng sang Trung Quốc; ngược lại cũng nhập khẩu được một khối lượng lớn vật tư thiết bị phục vụ cho các ngành sản xuất trong nước và một số hàng tiêu dùng phục vụ dân cư.

Đây là kết quả rất lớn góp phần đẩy nhanh kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với các nước trên thế giới, nâng cao đáng kể đời sống nhân dân, tăng thu cho ngân sách, cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc. Nó cũng tác động rất lớn đến kinh tế, xã hội, văn hoá, môi trường ở các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc như: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang.

Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và khả năng bổ xung, hỗ trợ nhau để cùng phát triển kinh tế của hai nước. Hiện tại, hoạt động thương mại hàng hoá qua biên giới các tỉnh vùng Đông Bắc Việt Nam với Trung Quốc vẫn còn nhiều bất cập trong kỹ thuật, nghiệp vụ và nhiều vướng mắc trong công tác quản lý. Nhiều tiêu cực vẫn xuất hiện, nạn mua bán theo kiểu chộp giựt nhằm kiếm lời vẫn xảy ra, nạn buôn lậu qua biên giới vẫn tồn tại và có biểu hiện nghiêm trọng, gian lận thương mại vẫn chưa khắc phục được, vấn đề ô nhiễm môi trường và xoá bỏ tệ nạn xã hội chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Để đưa quan hệ song phương Việt Nam - Trung Quốc lên tầm cao mới như đã ghi trong Tuyên bố chung ngày 2/3/1999, để phát triển hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới với Trung Quốc cho tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và yêu cầu phát triển thị trường của cả hai nước, nhất là khi Trung Quốc và Việt Nam đã là thành viên của WTO, Hiệp định Việt Nam - Hoa Kỳ đang được thực thi và một khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc đang dần được hình thành, chúng ta cần thực hiện đồng bộ một hệ thống các giải pháp thích hợp (cả ở tầm vi mô và vĩ mô) nhằm giải quyết những tồn tại đang cản trở và làm giảm hiệu quả của hoạt động biên mậu các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam - Trung Quốc.